TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64**/2019/DS-ST.
Ngày: 04/10/2019.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Phước Nghĩa
2. Bà Phạm Hồng Gái
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*: Không.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2019/TLST - DS ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Đặng Thành Q**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Dương Tấn Lộc** - Luật sư của Văn phòng luật sư Dương Tấn Lộc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1964;

Bà **Dương Thị Thu H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Thành Q trình bày như sau:*

Vào ngày 27/2/2019 ông Q có cho vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị Thu H vay số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là một triệu một ngày là 5.000 đồng, cứ 10 ngày trả lãi một lần, trong hạn 06 tháng phải trả gốc. Việc vay tiền này ông H, bà H có làm biên nhận nợ với ông Q. Ông H, bà H vay tiền của ông Q với mục đích cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn. Trong quá trình vay ông H, bà H chỉ đóng lãi cho ông Q được 4.000.000 đồng rồi không trả lãi nữa. Ngoài ra, bà H còn mượn thêm số tiền 8.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ 128.000.000 đồng. Ông Q đến đòi nợ ông H, bà H nhiều lần nhưng ông H, bà H chỉ hứa mà không trả nợ cho ông Q, đến ngày 30/5/2019 ông H viết giấy cam kết với ông Q mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, phần lãi suất sẽ trả sau. Tuy nhiên từ tháng 5 - 7 ông H, bà H có trả cho ông Q được tổng số tiền gốc 25.500.000 đồng (trong đó trả 8.000.000 đồng tiền mượn và 17.500.000 đồng trả tiền gốc của số tiền 120.000.000 đồng) nên số nợ còn lại là 102.500.000 đồng thì ông H, bà H không trả cho đến nay.

Nay ông Q yêu cầu ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị Thu H phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 102.500.000 đồng. Ngoài ra, ông Q không yêu cầu gì thêm.

** Ý kiến của bị đơn Nguyễn Đức H và bà Dương Thị Thu H:*

Trước đây, vợ chồng ông H và bà H có vay tiền của ông Đặng Thành Q nhiều lần cho đến ngày 27/2/2109 thì ông H, bà H và ông Q tổng kết nợ với nhau thì vợ chồng ông H, bà H còn nợ của ông Q số tiền gốc 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi ngày/triệu là 5.000 đồng. Ông H và bà H có viết biên nhận nợ đưa cho ông Q giữ. Sau đó, ông H còn viết giấy cam kết mỗi tháng trả cho ông Q số tiền 20.000.000 đồng nhưng Huy không thực hiện. Ông H và bà H thừa nhận vay tiền của ông Q cho người khác vay lại để hưởng lãi suất cao hơn. Đối với số nợ này vợ chồng ông H, bà H đã đóng lãi cho ông Q được 4.000.000 đồng rồi không đóng lãi cho đến nay. Ngoài ra, bà H thừa nhận có mượn thêm số tiền 8.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ mà ông bà còn thiếu ông Q là 128.000.000 đồng. Ông H, bà H thừa nhận vợ chồng ông, bà trả cho ông Q số tiền 25.500.000 đồng nên hiện nay ông bà còn nợ ông Q số tiền 102.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H và bà H đồng ý trả cho ông Q số nợ gốc là 102.500.000 đồng. Nhưng xin được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt số nợ nêu trên. Riêng số tiền lãi 4.000.000 đồng mà ông bà đã đóng cho ông Q thì ông bà không yêu cầu tính lại vì ông Q không yêu cầu tính lãi đối với ông bà.

Ý kiến phát biểu của luật sư Dương Tấn Lộc: Vào ngày 27/2/2019 ông Q cho vợ chồng ông H và bà H vay số tiền 120.000.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ đề ngày 27/2/2019 thể hiện việc ông H và bà H có nợ ông Q số tiền trên. Ngoài ra, bà H còn mượn thêm số tiền 8.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ 128.000.000 đồng. Từ tháng 5 - 7năm 2019 ông H và bà H có trả cho ông Q được tổng số tiền gốc 25.500.000 đồng nên số nợ còn lại là 102.500.000 đồng. Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông H, bà H phải trả số tiền này thì được ông H, bà H đồng ý. Vì vậy, yêu cầu đòi lại số tiền 102.500.000 đồng của ông Q là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Đặng Thành Q và bị đơn ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị Thu H; bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 27/2/2019 vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị Thu H có vay của ông Đặng Thành Q số tiền 120.000.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ đề ngày 27/2/2019 có ông H, bà H ký tên bên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận khi vay là một triệu một ngày là 5.000 đồng, cứ 10 ngày trả lãi 01 lần, thời gian trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay. Ngoài ra, bà H còn mượn thêm số tiền 8.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ 128.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông H, bà H chỉ đóng lãi cho ông Q được 4.000.000 đồng rồi không trả lãi nữa, từ đầu tháng 5 - 7 năm 2019 ông H, bà H tiếp tục trả cho ông Q được tổng số tiền gốc 25.500.000

đồng gốc (trong đó trả 8.000.000 đồng tiền mượn và 17.500.000 đồng trả tiền gốc của số tiền 120.000.000 đồng) nên số nợ còn lại là 102.500.000 đồng thì ông H, bà H không trả cho đến nay.

Tại phiên tòa , ông Q yêu cầu ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị Thu H phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 102.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu này của ông Q là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; ông Q có cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận nợ đề ngày 27/2/2019 và 01 giấy cam kết trả nợ đề ngày 30/5/2019 thể hiện việc ông H, bà H có nợ ông Q số tiền 120.000.000 đồng, có chữ ký tên của ông H, bà H bên nhận nợ và cam kết trả nợ; đồng thời bà H còn nợ số tiền 8.000.000 đồng, sau đó ông H và bà H có trả cho ông Q số tiền 25.500.000 đồng nên số nợ còn lại là 102.500.000 đồng; Phía ông H, bà H cũng thừa nhận ông, bà có vay của ông Q nhiều lần với số tiền 120.000.000 đồng và tổng kết nợ vào ngày 27/2/2019, chữ ký tên của ông H, bà H bên nhận nợ đúng là chữ ký của ông, bà. Ngoài ra, bà H còn nợ số tiền 8.000.000 đồng, nên tổng cộng là 128.000.000 đồng. Ông H và bà H có trả cho ông Q tổng số tiền 25.500.000 đồng nên số nợ còn lại là 102.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông H, bà H cũng đã đồng ý có trách nhiệm trả số tiền 102.500.000 đồng cho ông Q. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết ghi nhận sư tự nguyện trả nợ của ông H và bà H. Ông H và bà H phải trả cho ông Q số tiền 102.500.000đồng.

Mặc khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đề nghị của luật sư chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là phù hợp.

Về số tiền lãi 4.000.000 đồng mà ông H và bà H đã đóng lãi cho ông Q, do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Xét yêu cầu của ông H, bà H xin được trả cho ông Q mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt số nợ nêu trên nhưng ông Q không đồng ý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Do đó, yêu cầu này của ông H, bà H là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí tòa án thì ông H, bà H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông Q.

Ông Đặng Thành Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành Q về việc đòi nợ đối với ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị Thu H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị Thu H phải trả cho ông Đặng Thành Q số tiền 102.500.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đặng Thành Q có đơn yêu cầu thi hành án phía vợ chồng ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị Thu H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.125.000đồng.

Hoàn trả cho ông Đặng Thành Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005599 ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp